

Bản án số: 487/2018/DS-PT

Ngày: 16/5/2018

V/v Tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Đức Hạnh

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Huyền  
Ông Nguyễn Minh Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Ánh Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Phạm Duy Tuấn - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16/5/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 731/2017/DSPT ngày 29 tháng 12 năm 2017, về việc: “Tranh chấp đòi lại tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 511/2017/DS-ST ngày 27/10/2017 của Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo;

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1804/2018/QĐ-PT ngày 20/4/2018 giữa các đương sự:

*1/ Nguyên đơn:*

1.1. Ông Trần Kim L, sinh năm 1951

1.2. Bà Chu Sỳ A, sinh năm 1962

Địa chỉ: 122 N, Phường M3, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của ông L và bà A: Bà Lưu Phương T, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: 2C N1, phường Đ, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

*2/ Bị đơn:*

2.1. Ông Phan Thế H, sinh năm 1969 (có mặt)

2.2. Bà Nguyễn Thị Bích H1, sinh năm 1973 (có mặt)

Cùng địa chỉ: 101/76 G, phường T, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Hiện ông Phan Thế H đang bị tạm giam tại Trại giam C – Công an Thành phố Hồ Chí Minh trong một vụ án khác)

3/ *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H1*: Bà Nguyễn Ngọc T – Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Hồ Trung H, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Địa chỉ: 80 B, Phường N, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

4/ *Người kháng cáo*: Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích H1.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo nội dung bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn trình bày: Do quen biết từ trước và có làm ăn qua lại với nhau nên ngày 30/7/2007 giữa ông L, bà A và ông H, bà H1 có tiến hành lập hợp đồng vay tiền số công chứng 022786, quyền số 07/TP/CC-SCC/HĐGD tại Phòng công chứng số 1, Thành phố Hồ Chí Minh với nội dung:

- Ông L và bà A cho ông H và bà H1 vay số tiền 7.500.000.000 đồng.
- Thời hạn vay: 40 ngày, kể từ ngày 30/7/2007.
- Lãi suất: 1,5%/tháng

Ông L và bà A đã giao tiền cho ông H và bà H1 trước khi kí hợp đồng tại Phòng công chứng.

Tuy nhiên, hết hạn trả nợ nhưng phía ông H, bà H1 vẫn không trả vốn và lãi theo như thỏa thuận và cố tình lẩn trốn. Nay nguyên đơn yêu cầu ông H, bà H1 có trách nhiệm trả số tiền 7.500.000.000 đồng, trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bản chính hợp đồng vay tiền có số công chứng 022786, quyền số 07/TP/CC-SCC/HĐGD tại Phòng công chứng số 1, Thành phố Hồ Chí Minh ông L đã làm thất lạc trong quá trình dọn nhà nên nguyên đơn cung cấp bản sao có công chứng. Hiện nay Phòng công chứng số 1 đang lưu giữ 01 bản chính của hợp đồng trên.

Bị đơn trình bày: ông H và bà H1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì ông H và bà H1 chưa từng nhận tiền của ông L và bà A, cũng chưa từng lập hợp đồng vay tiền nào xác nhận có vay của ông L và bà A số tiền 7.500.000.000 đồng. Chữ ký, dấu vân tay trong bản hợp đồng vay tiền lập ngày 30/7/2007 do Phòng công chứng số 1 chứng nhận mà phía nguyên đơn cung cấp cho Tòa thì ông H và bà H1 không thừa nhận chữ ký và dấu vân tay của mình.

Bà H1 không biết bà Chu Sỷ A là ai, chưa từng gặp nhau thì việc gặp nhau để cùng thỏa thuận lập Hợp đồng vay tiền là vô lý. Việc giao nhận số tiền lớn như vậy phải thể hiện rõ là hình thức chuyển khoản, tiền mặt hay địa điểm, thời gian giao dịch.... Đồng thời, thời điểm năm 2007 điều kiện kinh tế của ông L và bà A với thu nhập từ việc làm bảo vệ thì không thể có khả năng cho người khác vay số tiền lớn như vậy được.

Mặt khác, tại Điều 1 của Hợp đồng vay tiền có ghi: “Việc giao nhận đã được các bên thực hiện trước khi ký kết hợp đồng này và ngoài sự chứng kiến

của Công chứng viên ký tên dưới đây”. Trong khi đó cuối bản hợp đồng, tại xác nhận của bên B, dưới chữ ký Phan Thế H lại viết “Chúng tôi đã nhận đủ số tiền 7.500.000.000 đồng do bên A giao trước khi ký hợp đồng này”. Việc ông H và bà H1 đã nhận tiền đáng lẽ phải được ghi tại biên bản giao nhận tiền vay (hoặc giấy xác nhận nhận tiền) chứ không phải ghi trong bản hợp đồng.

Do đó, ông H và bà H1 yêu cầu Tòa án Quận T ra Quyết định trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết, dấu vân tay của ông H, bà H1 trong Hợp đồng vay tiền lập ngày 30/7/2007 do Phòng công chứng số 1 chứng nhận mà ông L và bà A cung cấp cho Tòa.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn do bà Lưu Phương T đại diện trình bày: Trước đây nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản nhưng vì khoản nợ từ năm 2007 đã quá lâu, không còn thời hiệu khởi kiện hợp đồng vay tài sản nên nguyên đơn thay đổi yêu cầu đòi tài sản đối với số tiền gốc là 7.500.000.000 đồng, không tính lãi suất.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích H1 giữ nguyên ý kiến như đã trình bày.

- Bị đơn ông Phan Thế H có đơn xin vắng mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H1 trình bày: Về chứng cứ Tòa án thu thập trong hồ sơ vụ án thì Luật sư không có ý kiến. Luật sư chỉ nêu một số điều chưa hợp lý trong quan hệ tranh chấp này để Hội đồng xét xử xem xét:

Việc giao nhận tài sản vay thông thường sẽ được lập thành một văn bản riêng, có thể trước hoặc sau khi công chứng hợp đồng, ít khi nào ghi trực tiếp vào hợp đồng vay được lập tại phòng công chứng, không thể hiện hình thức giao nhận tiền, địa điểm, thời gian. Số tiền 7.500.000.000 đồng không phải là số tiền ít nhưng nguyên đơn không đưa ra bất kỳ một văn bản nào kể cả vốn và lãi, trong khi hợp đồng vay có thể hiện địa chỉ vay của bị đơn. Nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền không nhỏ nhưng không thể chấp bất kì tài sản nào để bảo đảm việc thanh toán. Khi khởi kiện, nguyên đơn không xuất trình được bản chính của Hợp đồng vay tiền.

\* Tại bản án dân sự sơ thẩm số 511/2017/DS-ST ngày 27/10/2017 của Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Kim L và bà Chu Sỳ A.

Buộc ông Phan Thế H và bà Nguyễn Thị Bích H1 có trách nhiệm trả cho ông Trần Kim L và bà Chu Sỳ A số tiền 7.500.000.000 đồng (bảy tỷ năm trăm triệu đồng) phát sinh từ giao dịch của Hợp đồng vay tiền công chứng số 022786, quyển số 07/TP/CC-SCC/HĐGD tại Phòng công chứng số 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thời hạn thanh toán: khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, tiền lãi do chậm thi hành án và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

- Ngày 27/10/2017, bà Nguyễn Thị Bích H1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

**\* Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Người khởi kiện không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút đơn kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Nguyên đơn ông Trần Kim L và bà Chu Sỳ A có đại diện là bà Lưu Phương T đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Bị đơn ông Phan Thế H trình bày: ông không nhận 7.500.000.000 đồng như đã ghi nhận tại hợp đồng vay tiền tại phòng công chứng nên không đồng ý trả tiền như án sơ thẩm đã tuyên.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích H1 trình bày: bà giữ nguyên ý kiến như nội dung đã trình bày tại bản án sơ thẩm; bà và ông H không nhận tiền của ông L và bà A do đó đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn – Luật sư Nguyễn Ngọc T trình bày: Luật sư không có ý kiến gì về các chứng cứ mà Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập; Luật sư chỉ trình bày một số bất cập đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: số tiền 7.500.000.000 đồng là số tiền lớn nhưng , giữa hai bên không hề có quan hệ quen biết gì nhưng khi giao nhận tiền các bên không lập biên bản giao nhận tiền, không có người làm chứng, không có thời gian, địa điểm giao nhận tiền và suốt 10 năm phía bị đơn đã không hề có động thái đòi nợ và khi cho vay cũng không có tài sản đảm bảo. Điều kiện của phía nguyên đơn cũng không có khả năng cho bị đơn vay số tiền lớn như vậy. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của bị đơn, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm .

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

- Về tố tụng:

Nguyên đơn ông Trần Kim L và bà Chu Sỳ A cùng ủy quyền cho bà Lưu Phương T. Văn bản ủy quyền và hợp lệ theo Điều 85 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nên chấp nhận.

- Về nội dung:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Phan Thế H và bà Nguyễn Thị Bích H1 trình bày: ông bà chưa nhận được tiền của ông L và bà A nên đã xé bản hợp đồng vay tiền tại phòng công chứng số 1. Do đó, ông bà không đồng ý trả số tiền 7.500.000.000 đồng theo yêu cầu của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy:

Tuy ông L và bà A không cung cấp được bản chính hợp đồng vay tiền số 022786 mà chỉ cung cấp được bản sao y nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận T đã yêu cầu và Phòng công chứng số 1 đã cung cấp hồ sơ công chứng đối với Hợp đồng vay tài sản số 022786. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định hợp đồng công chứng số 022786 là có thật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Bích H1 và ông Phan Thế H cho rằng hợp đồng vay tiền số 022786 tại phòng công chứng số 1 ông bà không biết và không ký vào hợp đồng. Do đó, bà H1 đề nghị Tòa án giám định chữ ký của ông H và bà trong hợp đồng này. Sau đó, Tòa án nhân dân Quận T đã có quyết định trưng cầu giám định. (BL 97)

Theo kết luận giám định số 1628/1-C54B ngày 13/6/2017 (BL 104) và Kết luận giám định số 1628/C54B ngày 11/8/2017 (BL 102) của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Tổng cục cảnh sát kết luận đã có đủ cơ sở khẳng định, ông H và bà H1 là người ký và lặn dấu vân tay vào Hợp đồng vay tiền số 022786 ở Phòng công chứng số 1 đồng thời đã xác nhận tại hợp đồng với nội dung “Chúng tôi đã nhận đủ số tiền 7.500.000.000 đồng (bảy tỷ năm trăm triệu đồng) do bên A giao trước ngày ký hợp đồng này” thể hiện phía ông H và bà H1 đã nhận số tiền này. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông H và bà H1 cho rằng mình không hề nhận được số tiền 7.500.000.000 đồng như nội dung bản hợp đồng nhưng không cung cấp được chứng cứ cho rằng mình bị lừa dối, cưỡng ép ký và viết xác nhận đã nhận tiền. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn cũng như ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: bị đơn bà Nguyễn Thị Bích H1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 177; Điều 179; Điều 228 và Điều 271; Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Khoản 1 Điều 166; Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội
- Áp dụng Điều 6, 7, 9, 30 của Luật Thi hành án dân sự

**Tuyên xử:**

1/ Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Bích H1.

2/ Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 511/2017/DS-ST ngày 27/10/2017 của Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh về việc: “Tranh chấp đòi tài sản”, giữa nguyên đơn – ông Trần Kim L và bà Chu Sỳ A với bị đơn – ông Phan Thế H và bà Nguyễn Thị Bích H1.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Kim L và bà Chu Sỳ A.

Buộc ông Phan Thế H và bà Nguyễn Thị Bích H1 có trách nhiệm trả cho ông Trần Kim L và bà Chu Sỳ A số tiền gốc là 7.500.000.000 đồng (bảy tỷ năm trăm triệu đồng) phát sinh từ giao dịch của Hợp đồng vay tiền số công chứng 022786, quyển số 07/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/7/2007 tại Phòng công chứng số 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thời hạn thi hành án: khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Khoản 2 Điều 468 của bộ luật dân sự 2015.

3/ Án phí dân sự sơ thẩm:

Số tiền 115.500.000 đồng do ông Phan Thế H và bà Nguyễn Thị Bích H1 chịu.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí là 57.570.000 đồng theo Biên lai thu số 0025427 ngày 10/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận T cho ông Trần Kim L và bà Chu Sỳ A.

4/ Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Bích H1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được căn trừ đi số tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Bích H1 đã nộp là 300.000 đồng (Theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0010060 ngày 01/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự Quận T), bà H1 đã thi hành xong.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận T;
- Chi cục THADS Quận T;
- Các đương sự;
- Lưu (20).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Đức Hạnh**